

Mã trường: DCT

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026
THEO PHƯƠNG THỨC XÉT HỌC BẠ THPT

Tên ngành: Mã ngành:

--	--	--	--	--	--	--

1. Họ và tên của thí sinh (Viết đúng như trong giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu):

.....Giới tính: (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

--

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh (Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

--	--

--	--

--	--

Ngày Tháng Năm

3. Nơi sinh (Tỉnh hay thành phố): 4. Dân tộc (Ghi bằng chữ):

5. Chứng minh nhân dân/căn cước công dân số: (Ghi mỗi số vào một ô)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

6. Hộ khẩu thường trú (Số nhà, đường, xã /phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

--	--

--	--

--	--

Mã tỉnh Mã huyện Mã xã

7. Nơi học THPT hoặc tương đương (Ghi tên trường và địa chỉ nơi trường đóng: huyện/quận, tỉnh/thành phố và ghi mã tỉnh, mã trường):

Năm lớp 10:

--	--

--	--	--

Năm lớp 11:

--	--

--	--	--

Năm lớp 12:

--	--

--	--	--

Mã tỉnh Mã trường

8. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh:

--	--

9. Khu vực ưu tiên:

--

10. Số điện thoại liên lạc (bắt buộc): 11. Email:

11. Địa chỉ liên lạc

12. Tổ hợp môn: A00

--

 A01

--

 B00

--

 D01

--

 D07

--

 D09

--

 D14

--

 D15

--

B08

--

 C00

--

 C01

--

 C02

--

 C03

--

 X01

--

 X26

--

A00 - Toán, Vật lý, Hóa học
A01 - Toán, Vật lý, Tiếng Anh
B08 - Toán, Sinh học, Tiếng Anh
C03 - Ngữ văn, Toán, Lịch sử

B00 - Toán, Hóa học, Sinh học
C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
X01 - Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật

D07 - Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D09 - Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
C01 - Ngữ văn, Toán, Vật lý
X26 - Toán, Tin học, Tiếng Anh

D14 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử
D15 - Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
C02 - Ngữ văn, Toán, Hóa học
D01 - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

13. Quy đổi điểm xét môn Tiếng Anh: Thí sinh ghi rõ tên chứng chỉ ngoại ngữ, điểm đã đạt được và mức điểm quy đổi theo Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ dùng để quy đổi điểm môn Tiếng Anh để xét tuyển các tổ hợp có môn Tiếng Anh (nếu có).

Tên chứng chỉ	Mức điểm đạt được	Mức điểm quy đổi	Ngày cấp	Nơi cấp

14. Tình trạng tốt nghiệp

--

 Chưa tốt nghiệp THPT

--

 Đã tốt nghiệp THPT Năm tốt nghiệp THPT:

15. Điểm thi tốt nghiệp THPT: Điểm môn 1: Điểm môn 2: Điểm môn 3: Điểm môn 4:

16. Điểm học bạ:

Tên môn	Điểm TB cả năm lớp 10	Điểm TB cả năm lớp 11	Điểm TB cả năm lớp 12
Môn 1:			
Môn 2:			
Môn 3:			
Tổng điểm			
Trung bình cộng 3 năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12			

Lưu ý: Thí sinh làm tròn lấy 2 số thập phân. VD: 7,8349 thì làm tròn là 7,83; nếu như 7,8359 thì làm tròn thành 7,84.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong hồ sơ ĐKST này là đúng sự thật. Nếu sai, tôi đồng ý bị xử lý theo đúng Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tp. HCM, ngày tháng năm

Chữ ký của thí sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)